TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BẮC TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **148**/2019/HSST
Ngày 16/7/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Thị Thanh Loan;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Huệ; Bà Vũ Thị Kim Thanh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Tĩnh, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 158/2019/TLST-HS, ngày 21/6/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2019/QĐST-HS ngày 26/6/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phan Văn L, sinh năm 1955; Nơi sinh: Hà Nội; Giới tính: Nam; Nơi ĐKNKTT: Tổ 51, phường N, quận C, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã S, huyện Q, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/10; Họ và tên bố: Phan Văn T (đã chết); Họ và tên mẹ: Trần Thị S, sinh năm 1925, đã già yếu; Họ và tên vợ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1958; Nghề nghiệp: Hưu trí; Có: 02 con (Con lớn sinh năm 1983, con nhỏ sinh năm 1987); Tiền án, tiền sự: Không; Hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1968; ĐKNKTT: Tổ dân phố 1, phường C, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Số nhà 1, đường N, phường C, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11/2012, thông qua anh Nguyễn C, bị cáo Phan Văn L quen biết với bà Nguyễn Thị Th. Bà Th nói với bị cáo việc bà Th muốn xây bức tường bao

quanh thửa đất nông nghiệp tại xóm 18b, xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm (nay thuộc tổ dân phố số 1, phường C, quận Bắc Từ Liêm) nhưng sợ bị các cơ quan chức năng phá dỡ. Bị cáo L đã nói với bà Th là mình có nhiều mối quan hệ, có thể tác động đến cơ quan chức năng xin cho bà Th được xây dựng tường bao mà không bị phá dỡ với chi phí 30.000.000 đồng. Do tin tưởng bị cáo nên bà Th đã đưa cho bị cáo tổng số tiền 30.000.000 đồng vào các ngày 22/11/2012, ngày 10/12/2012 tại nhà anh C ở ngõ 2, đường H, xã C nay là phường C, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Sau khi nhận số tiền trên, bị cáo khai là đã giao tiền cho ông Sâm - Thanh tra xây dựng huyện Từ Liêm (Bị cáo không biết nhân thân, lai lịch của ông Sâm) số tiền 20.000.000 đồng để xin cho bà Th xây tường không bị phá dỡ. Bị cáo giao tiền cho ông Sâm hai lần: Lần 1 giao cho ông Sâm 10.000.000 đồng tại gần cổng cơ quan của ông Sâm, không có ai chứng kiến, không viết giấy tờ; lần 2 giao cho ông Sâm 10.000.000 đồng tại khu vực đường H, không viết giấy tờ nhưng có chị Hương (Bị cáo không biết nhân thân, lai lịch) chứng kiến. Bị cáo khai chị Hương là bạn của anh C. Số tiền còn lại là 10.000.000 đồng, bị cáo đã sử dụng hết cho việc sinh hoạt cá nhân. Tuy nhiên, tại Đội thanh tra xây dựng huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội vào thời điểm năm 2012 không có cán bộ nào tên Sâm công tác tại Đội. Chị Hương là người chứng kiến việc bị cáo đưa tiền cho ông Sâm, anh C trình bày có quen biết một người tên Hương, (sinh năm 1982, quê ở Đà Nẵng), nhưng không nhân thân, lai lịch chính xác của Hương.

Nguồn gốc thửa đất của bà Th, Ủy ban nhân dân phường C xác định: Không có lưu hồ sơ về việc xử lý vi phạm trật tự xây dựng đối với hộ gia đình bà Th năm 2012; Kiểm tra thực tế đoạn tường bao bị phá dỡ vào năm 2012 thì thấy hiện tại bà Th đã rào bao quanh bằng tấm phi bờ rô xi măng.

Về dân sự: Người bị hại là bà Nguyễn Thị Th yêu cầu bị cáo bồi thường 70.000.000 đồng, cụ thể: 30.000.000 đồng là tiền đã đưa cho bị cáo L và 40.000.000 đồng là tiền bị cáo phải bồi thường về việc tường bao bị phá dỡ. Bị cáo L đã nộp 70.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Anh Nguyễn C, sinh năm 1977, địa chỉ: Ngõ 2, đường H, phường C, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội tố giác: Anh C quen biết bị cáo L từ năm 2008. Khoảng tháng 10/2012, anh nhờ bị cáo xin cho cháu của anh là Nguyễn H (sinh năm 1991, HKTT: Thôn N, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình) đi công an công an nghĩa vụ tại Hà Nội với số tiền 132.000.000 đồng. Vào các ngày 10/10/2012 và 26/10/2012 tại nhà anh C ở địa chỉ trên, anh đã đưa cho bị cáo tổng số tiền 132.000.000 đồng. Việc giao nhận tiền có chị Hoàng Thị N là vợ anh C chứng kiến. Sau khi nhận tiền, bị cáo hẹn tháng 12/2012 cháu anh sẽ được đi nghĩa vụ. Đến ngày 22/01/2013, thấy H vẫn chưa được gọi đi và bị cáo không trả lại tiền nên anh C đã đưa bị cáo đến Đồn Công an số 19 - Công an huyện Từ Liêm trình báo. Việc anh C xin cho H đi công an nghĩa vụ, anh C không nói cho H cùng bố, mẹ H biết. Anh C không biết hiện anh H đang ở đâu. Bị cáo L khai: Năm 2012, bị cáo sử dụng văn phòng của anh C ở ngõ 1, phố P, xã C, huyện Từ Liêm làm nơi tiếp nhận hồ sơ công chứng. Trong quá trình kinh doanh tại đây, anh C

đã đưa cho bị cáo số tiền 132.000.000 đồng, bao gồm: 60.000.000 đồng, để bị cáo hoàn thiện hồ sơ khiếu kiện tranh chấp đất đai; 30.000.000 đồng cho bị cáo vay để sử dụng chi tiêu cá nhân; 42.000.000 đồng để bị cáo lo chi phí nhân viên, văn phòng phẩm duy trì hoạt động của văn phòng. Vì thời gian đã lâu nên bị cáo không nhớ được cụ thể hồ sơ khiếu kiện mà anh C đưa tiền cho bị cáo là vụ việc của ai, không nhớ được nhân thân các nhân viên. Đầu năm 2013, anh C yêu cầu bị cáo hoàn trả toàn bộ số tiền trên, do không có tiền trả nợ nên anh C đã đưa bị cáo đến Đồn 19 Công an huyện Từ Liêm giải quyết. Bị cáo không nhận tiền để xin việc cho cháu anh C, không nhận hồ sơ giấy tờ gì từ anh C liên quan đến việc xin cho H đi công an nghĩa vụ tại Hà Nội. Tại Đồn 19 – Công an huyện Từ Liêm, anh C và bị cáo tự thỏa thuận là bị cáo viết giấy nhận tiền và chốt số nợ giữa bị cáo L và anh C là 132.000.000 đồng và hẹn đến ngày 31/3/2013, bị cáo sẽ trả lại số tiền trên cho anh C. Ngoài lời khai của anh C và bị cáo, chỉ có "Giấy nhận tiền" đề ngày 22/01/2013 với nội dung: Bị cáo có nhận132.000.000 đồng của anh C để xin việc cho cháu anh C, đến ngày 31/3/2013 sẽ trả lại. Trong giấy nhận tiền không ghi rõ nhận tiền để xin việc cho ai, xin làm công việc gì. Cơ quan điều tra đã tiền hành đối chất nhưng không làm rõ được bị cáo nhận của anh C số tiền trên để xin cho cháu anh C đi công an nghĩa vụ nên Cơ quan cảnh sát điều tra không có xử lí hình sự đối với bị cáo L theo tố giác của anh C là có căn cứ.

Tại Cáo trạng số 130/CT-VKS, ngày 03/6/2019, Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm đã truy tố truy tố bị cáo Phan Văn L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Phan Văn L mức án từ 16 đến 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 32 đến 40 tháng kể từ ngày tuyên án; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về dân sự: Đề nghị Tòa án buộc bị cáo bồi thường cho bà Th 30.000.000 đồng; Trả lại cho bị cáo 40.000.000 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, của người bị hại, người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định: Vào các ngày 22/11/2012 và ngày 10/12/2012 tại ngõ 2, đường H, xã C, huyện Từ Liêm, Hà Nội (nay thuộc phường C, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội), bị cáo Phan Văn L mặc dù không có chức năng, thẩm quyền cấp phép xây dựng hoặc thanh, kiểm tra việc xây dựng nhưng đã lợi dụng sự tin tưởng của bà Nguyễn Thị Th, chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng của bà Th để xin cho bà Th xây dựng tường bao trên đất nông nghiệp. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tội

phạm và hình phạt áp dụng đối với bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi nên bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Đã tự nguyện giao nộp tiền để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bản thân bị cáo đã già yếu, mắc bệnh hen phế quản.

Xét hành vi phạm tội, tính chất tội phạm, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo thấy cần áp dụng hình phạt tù nhưng áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cho bị cáo hưởng án treo, cải tạo ngoài xã hội, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về dân sự: Bà Nguyễn Thị Th yêu cầu bị cáo L bồi thường 70.000.000 đồng, trong đó có 30.000.000 đồng bị cáo chiếm đoạt của bà Th cần buộc bị cáo bồi thường cho bà Th và 40.000.000 đồng là tiền bị cáo L phải bồi thường cho bà vì bà xây dựng tường bao bị phá dỡ. Tường bao của bà Th xây trên đất nông nghiệp là trái phép nên yêu cầu của bà Th là không có căn cứ, không được chấp nhận.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án ở các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, cơ quan điều tra, điều tra viên, cơ quan kiểm sát, kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về các quyền nghĩa vụ của mình, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn, khởi tố, kết luận điều tra, truy tố bị cáo theo đúng tội danh, khung hình phạt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phan Văn L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Áp dụng khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, i, s khoản 1Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Phan Văn L 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo L cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện Q, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong thời hạn thử thách thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

3. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2018/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

3.1. Về dân sự: Bị cáo phải bồi thường cho bà Th số tiền 30.000.000 đồng; Xác nhận bị cáo đã nộp 70.000.000 đồng bồi thường, khắc phục hậu quả (Theo Giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 19/6/2019 của Kho bạc Nhà nước Bắc Từ Liêm), trả lại cho bị cáo số tiền 40.000.000 đồng.

3.2. Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:
- *Bị cáo;Bị hại;*
- *Tòa án nhân dân TP Hà Nội;*
- *VKSND; TAND TP Hà Nội;*
- *VKS ND Q. Bắc Từ Liêm;*
- *Công an Q. Bắc Từ Liêm;*
- *Chi cục THADS Q. Bắc Từ Liêm;*
- *Sở Tư pháp TP Hà Nội;*
- *Lưu HS – VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Loan